

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

*

Số 02-CTr/BCĐTW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH

**công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học,
công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Căn cứ Quyết định số 229-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Căn cứ Quy định số 230-QĐ/TW, ngày 10/01/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/BCĐTW, ngày 28/02/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) ban hành Chương trình công tác năm 2026, cụ thể như sau:

I. YÊU CẦU, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Yêu cầu của Chương trình

Các mục tiêu, nội dung của Chương trình phải thể hiện được năm 2026 là năm trọng tâm để tăng tốc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, tập trung vào các nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến tăng trưởng, năng suất lao động, hiệu quả quản trị, đảm bảo các yêu cầu: (1) Đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH-CN, ĐM-ST, CĐ-S) trở thành động lực chính, đóng góp thực chất vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số; (2) Tạo chuyển biến mạnh mẽ về chuyển đổi số liên thông, đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị và

các ngành, lĩnh vực trọng điểm; (3) Thúc đẩy phát triển KHCN và ĐMST theo chuỗi giá trị, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - thị trường; (4) Lấy kết quả đầu ra và tác động làm thước đo chủ yếu; xác định doanh nghiệp là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; dữ liệu là một trong các nguồn lực chiến lược; (5) Tập trung và ưu tiên cao nhất mọi nguồn lực cho công nghệ chiến lược nhằm nâng cao năng lực tự chủ công nghệ; (6) Huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội cho phát triển KHCN, ĐMST, CDS bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả thiết thực và phù hợp quy định pháp luật.

2. Mục tiêu năm 2026

2.1. Mục tiêu đóng góp cho tăng trưởng

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đạt 14,5%.
- Tỷ trọng đóng góp của KHCN, ĐMST, CDS trong GDP đạt 17,5%.
- Tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế 50%.

2.2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

Ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật đã được Quốc hội thông qua trong năm 2025, bảo đảm có hiệu lực thi hành đồng bộ với các luật, không để tồn đọng. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh, bổ sung để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CDS.

2.3. Về chuyển đổi số quốc gia

Xếp hạng về phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam thuộc nhóm 65 nước dẫn đầu thế giới và nhóm 04 nước dẫn đầu khu vực ASEAN theo đánh giá của Liên Hợp Quốc.

a) Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

- Về hạ tầng, nền tảng số và dữ liệu dùng chung

- + Mở rộng phủ sóng 5G đạt 70% dân số.
- + 100% cán bộ cấp xã có trang thiết bị đáp ứng yêu cầu công việc và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử.
- + 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp tỉnh và cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (đối với hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước thì thúc đẩy việc xử lý trên hệ thống/mạng phù hợp theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ để giải quyết công việc.

+ 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) trong 4 khối cơ quan của hệ thống chính trị được tái cấu trúc, chuẩn hoá, số hoá và được đưa lên môi trường số.

+ Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành, khai thác thực chất, hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".

- Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

+ Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình trên tổng số TTHC do bộ, cơ quan cung cấp (bao gồm các DVC theo mô hình tập trung) đạt tối thiểu 80%.

+ Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình trên tổng số TTHC đặc thù của tỉnh, thành phố đạt tối thiểu 80%.

+ Tối thiểu 80% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan nhà nước.

+ 100% TTHC được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

+ Chỉ duy trì các TTHC và DVCTT thực sự cần thiết. Không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết TTHC đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia, chuyên ngành.

- Về nhân lực và năng lực thực thi công vụ trên môi trường số

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản.

+ 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số của bộ, ngành, địa phương được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

b) Kinh tế số

- 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ vệ tinh tham gia thực chất vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn công nghệ lớn trong nước.

- Chuyển đổi số thực chất các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan toả cao.

c) Xã hội số

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Chuyển đổi số thực chất các ngành, lĩnh vực có tác động tới an sinh và phúc lợi của người dân như: y tế, giáo dục, văn hoá, lao động, việc làm, an sinh xã hội, thực phẩm và môi trường.

- Nâng cao kỹ năng số và văn hoá đổi mới sáng tạo; lan toả nhận thức về KHCN, ĐMST, CDS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân, doanh nghiệp.

2.4. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thúc đẩy thương mại hoá các sản phẩm công nghệ chiến lược

- Thương mại hoá thành công tối thiểu **05 sản phẩm** thuộc Danh mục công nghệ chiến lược (Chip bán dẫn, thiết bị mạng 5G, robot công nghiệp, trí tuệ nhân tạo, UAV...)¹.

- Tỷ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá năm 2026 đạt tối thiểu 45%.

b) Phát triển nhân lực tinh hoa và đại học số

- 04 Đại học lớn: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Đà Nẵng, Đại học Bách Khoa Hà Nội triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp về KHCN, ĐMST, CDS tại Thông báo số 45-TB/TGV ngày 30/9/2025 của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo.

- Nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt 9,5 người/1 vạn dân.

c) Số hoá, minh bạch quản trị nhiệm vụ khoa học, công nghệ

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quản lý, theo dõi toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; cập nhật đầy đủ vòng đời nhiệm vụ (đặt hàng, tuyển chọn/giao trực tiếp, hợp đồng, giải ngân, nghiệm thu, chuyển giao, theo dõi sau nghiệm thu); đồng thời minh bạch trên Nền tảng các thông tin về kết quả và tài chính của nhiệm vụ (phần công khai theo quy định), bảo đảm lưu vết, ký số, đối soát tiến độ, giải ngân và sản phẩm.

¹ Tiêu chí tối thiểu để ghi nhận việc "thương mại hoá thành công" là: sản phẩm/giải pháp được ký hợp đồng mua sắm/đơn hàng/quy mô doanh thu hoặc được triển khai vận hành chính thức, mang lại lợi ích, hiệu quả kinh tế, xã hội thiết thực, có hướng dẫn vận hành và cơ chế bảo hành/bảo trì.

- Thời gian phê duyệt nhiệm vụ KHCN, ĐMST trung bình khoảng 90 ngày (tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt).

d) Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử để rút ngắn "từ phòng thí nghiệm ra thị trường"

- Hình thành tối thiểu 09 hạ tầng dùng chung (phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, cơ sở kiểm thử/đánh giá/chứng nhận...), ưu tiên cho công nghệ chiến lược.

- Tổ chức tối thiểu 03 không gian thử nghiệm thực tế gắn với 03 địa phương (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh) để thử nghiệm, đánh giá, tiếp nhận kết quả; bảo đảm có địa điểm, dữ liệu thử nghiệm và cơ chế tiếp nhận.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp KHCN, ĐMST và CDS trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định².

đ) Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

- Hình thành và đưa vào vận hành hiệu quả tối thiểu 03 trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh với cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ngang bằng hoặc vượt các trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực (Singapore, Indonesia...). Thử nghiệm cơ chế "sandbox", sau đó đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi triển khai diện rộng trong giai đoạn tăng tốc (từ năm 2027).

- Tăng 30% số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 36%.

- Hình thành mới tối thiểu 30-50 doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) từ kết quả nghiên cứu của trường - viện, trong đó TP. Hà Nội tối thiểu đạt 20 doanh nghiệp.

- Đưa vào vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia; lựa chọn và ký hợp tác với tối thiểu 03-05 quỹ đầu tư tư nhân, doanh nghiệp, ngân hàng hoặc tổ chức tài chính theo nguyên tắc huy động vốn đối ứng. Quỹ đầu tư cho tối thiểu 10 doanh nghiệp khởi nghiệp (startup), khởi nguồn (spin-off).

- Hình thành bộ chỉ số theo dõi hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (gồm chỉ số kết quả và chỉ số điều hành).

² được trích lập tối đa 20% thu nhập tính thuế hằng năm.

2.5. Về theo dõi, giám sát và đánh giá

100% nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo được theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống **theodoinq.dcs.vn**. Thông tin, số liệu được cập nhật kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan.

3. Nguyên tắc

- Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thời hạn, rõ thẩm quyền. Bảo đảm kịp thời nguồn lực kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp.

- Kết hợp hài hoà giữa các nhiệm vụ thường xuyên (hoàn thiện thể chế, hạ tầng, đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực) với các nhiệm vụ đột phá, sáng tạo.

- Đảm bảo tính khả thi, thiết thực, tránh hình thức; các kết quả phải đo lường được bằng số liệu cụ thể, được theo dõi, giám sát minh bạch trên môi trường số. Kiên quyết phòng, chống lãng phí cả về tài chính và thời gian; kiểm soát hiệu quả đầu tư ngay từ khâu chủ trương, danh mục nhiệm vụ và phân bổ nguồn lực.

- Gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ và kết quả thực hiện; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm, kể cả thay thế cán bộ.

- Lấy kết quả đầu ra và tác động làm thước đo; doanh nghiệp là trung tâm của chuyển hoá kết quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; dữ liệu là tài nguyên chiến lược để tạo động lực tăng trưởng thực chất.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

a) Các cơ quan Trung ương và địa phương

Ban hành, triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026, bám sát thực tiễn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả. Xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) tương ứng với từng nhiệm vụ đề ra, tổng hợp gửi Thường trực Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo để đưa vào theo dõi trên Hệ thống **theodoinq.dcs.vn**; đôn đốc thường xuyên việc thực hiện. Kết quả thực hiện trên hệ thống là căn cứ quan trọng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm của người đứng đầu. Rà soát, điều chỉnh Kế hoạch để phù hợp với Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo.

b) Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan:

- Xây dựng, ban hành và tổ chức vận hành Bộ chỉ số theo dõi, giám sát, đánh giá việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với cơ chế xếp hạng trên Hệ thống **theodoingq.dcs.vn**, bảo đảm đo lường được, so sánh được, kiểm chứng được, phục vụ chỉ đạo, điều hành. Bộ chỉ số phân tầng gồm: (1) nhóm chỉ số điều hành theo tháng, quý (thời gian, chi phí, chất lượng xử lý công vụ; mức độ vận hành/phát triển của nền tảng, dịch vụ, dữ liệu, hạ tầng; tiến độ hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương;...) và (2) nhóm chỉ số kết quả tổng thể để đánh giá xu hướng trung hạn. Hoàn thành trong Quý II/2026.

- Tổ chức khảo sát thực địa tại một số địa phương (đến cấp xã), bộ ngành, các trường, viện, doanh nghiệp, trong đó có mô hình "03 Nhà", để giúp các đơn vị phát hiện khó khăn, vướng mắc, đề xuất biện pháp tháo gỡ và nhân rộng.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

a) Các bộ, cơ quan chủ trì xây dựng các văn bản pháp luật tiếp tục rà soát, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật đã được Quốc hội thông qua trong năm 2025, bảo đảm văn bản có hiệu lực thi hành đồng bộ với các luật, không để tồn đọng.

b) Các bộ, cơ quan, địa phương: (1) Chủ động rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung những cơ chế, chính sách chưa được giải quyết ở những văn bản đã ban hành để tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách cho KHCN, ĐMST, CDS. Trong đó, bảo đảm các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với nền tảng số, dữ liệu để thống nhất, thông suốt; (2) Rà soát, xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật cho chuyển đổi số và phát triển KHCN, ĐMST, phục vụ phát triển kinh tế xã hội; (3) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu mở, làm cơ sở kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu. **Hoàn thành trong tháng 6/2026.**

c) Các bộ, ngành chủ trì phối hợp với các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Tư pháp rà soát, nghiên cứu tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) theo ngành, lĩnh vực nhằm tạo hành lang pháp lý an toàn để thử nghiệm đối với công nghệ, mô hình kinh doanh mới; ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược; xây dựng chính sách báo cáo tài chính và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

d) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công an và các cơ quan liên quan hoàn thiện, trình ban hành Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số giai đoạn 2026-2030 và Kế hoạch triển khai năm 2026

của chương trình này, bảo đảm: (1) Có danh mục nhiệm vụ theo các trụ cột/nhóm ngành ưu tiên; (2) Xác định rõ cơ chế huy động nguồn lực công - tư; (3) Có bộ chỉ số/KPI theo dõi hằng tháng, quý trên hệ thống *theodoingq.dcs.vn*. **Hoàn thành chậm nhất trong tháng 02/2026.**

đ) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan: (1) Tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết của Chính phủ về phát triển công dân số, **hoàn thành trong tháng 02/2026**; (2) Nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng Luật Định danh và xác thực điện tử, báo cáo Chính phủ đề xuất Quốc hội xem xét, bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026, **hoàn thành trong quý I/2026**; (3) Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng định danh quốc gia VNeID, **hoàn thành trong quý II/2026**.

3. Về chuyển đổi số

3.1. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

a) Hạ tầng số dùng chung

- Bộ Khoa học và Công nghệ: (1) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo các nhà mạng viễn thông tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng, phủ sóng 5G băng thông rộng, thử nghiệm internet vệ tinh tại vùng sâu, vùng xa, hải đảo, bảo đảm hạ tầng số quốc gia thông suốt; phấn đấu tỉ lệ phủ sóng 5G đạt 70% dân số; nâng cao chất lượng dịch vụ tại khu công nghiệp, cảng biển, cửa khẩu, trung tâm logistics, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, đô thị lớn và vùng khó khăn; (2) Rà soát, phủ sóng các vùng lõm sóng và giám sát chất lượng dịch vụ; (3) Trình cấp có thẩm quyền ban hành Đề án phát triển Hạ tầng tính toán hiệu năng cao và các trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ phát triển trí tuệ nhân tạo, gắn với yêu cầu chủ quyền số và năng lực tính toán quốc gia; ưu tiên phương án tổ chức khai thác theo mô hình dùng chung, hợp tác công - tư, kết nối các trung tâm dữ liệu, nền tảng điện toán đám mây và hạ tầng giám sát an toàn thông tin đủ điều kiện nhằm triển khai thí điểm nhanh, đo lường được hiệu quả và nhân rộng; (4) Khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Công văn số 19995-CV/VPTW ngày 09/01/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng để tháo gỡ khó khăn thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST, CDS.

- Các bộ, ngành, địa phương chủ động rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số của cơ quan, địa phương (nhất là tại cấp xã) như: (1) Đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) Trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) Bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công

việc. Đối với địa phương (cấp xã), việc rà soát, nâng cấp bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn. **Hoàn thành chậm nhất trong quý II/2026.**

- **Bộ Công an** chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan: (1) Triển khai đưa Trung tâm dữ liệu quốc gia vào vận hành, khai thác hiệu quả theo lộ trình, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, tích hợp, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành và cung cấp dịch vụ công; có cơ chế kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương; đồng thời cho phép kết nối, tích hợp kỹ thuật với hạ tầng, nền tảng, ứng dụng do doanh nghiệp cung cấp trên cơ sở phân quyền, uỷ quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bảo đảm dữ liệu do Nhà nước quản lý thống nhất, doanh nghiệp không sở hữu dữ liệu, chỉ tham gia cung cấp hạ tầng, nền tảng và dịch vụ kỹ thuật theo mô hình Nhà nước kiến tạo - doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; (2) Báo cáo, đề xuất Chính phủ xem xét, chỉ đạo việc triển khai đầu tư Trung tâm dữ liệu quốc gia số 2; (3) Theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương đã đăng ký sử dụng hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia thực hiện chuyển dịch hệ thống đúng cam kết, bảo đảm tiến độ và an toàn, an ninh mạng.

- **Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các bộ, ban, ngành, địa phương** tăng cường việc gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối Mật qua Mạng thông tin diện rộng của cơ quan Đảng với phạm vi mở rộng theo hướng thống nhất, dùng chung cho các cơ quan trong toàn hệ thống chính trị (Mạng mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị - đề xuất tên mới).

- **Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ)** chủ trì, phối hợp với các bộ, ban, ngành, địa phương đảm bảo Mạng mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị hoạt động thông suốt, ổn định, hiệu quả.

b) Dữ liệu, nền tảng số

- **Các bộ, cơ quan chủ quản các CSDL quốc gia, chuyên ngành** theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các cơ quan liên quan có giải pháp đột phá để hoàn thành xây dựng, đưa vào sử dụng thực chất, hiệu quả các CSDL bảo đảm "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung". Làm rõ cơ chế khai thác các CSDL; xác định tối thiểu 03-05 kịch bản khai thác dữ liệu ưu tiên trong năm 2026 theo hướng rõ ràng về phạm vi và mục tiêu, tập trung vào các nội dung có tác động thực chất, tránh lựa chọn dàn trải hoặc mang tính

hình thức; trên cơ sở đó xác định rõ chỉ tiêu tác động để theo dõi, đánh giá (giảm thời gian, giảm chi phí...).

- **Các cơ quan Trung ương và địa phương:** (1) Chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử; (2) 100% các đơn vị gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số; (3) Hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây; (4) Số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lỗi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số.

- **Các bộ, cơ quan chủ quản các nền tảng số** hoàn thành đúng theo lộ trình việc xây dựng, đưa vào vận hành các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, làm rõ cơ chế khai thác các nền tảng; xác định tối thiểu 03-05 kịch bản khai thác dữ liệu ưu tiên trong năm 2026 theo hướng rõ ràng về phạm vi và mục tiêu, tập trung vào các nội dung có tác động thực chất, tránh lựa chọn dàn trải hoặc mang tính hình thức; trên cơ sở đó xác định rõ chỉ tiêu tác động để theo dõi, đánh giá (giảm thời gian, giảm chi phí...).

- **Bộ Công an** chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các hệ thống: Cổng Dịch vụ công quốc gia trên hạ tầng của Trung tâm dữ liệu quốc gia; Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính; Ứng dụng VNeID bảo đảm ổn định, đáp ứng yêu cầu truy cập, không để xảy ra tắc nghẽn, ảnh hưởng đến người dùng.

- **Các bộ, ngành, địa phương** chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan ban hành danh mục và cung cấp dữ liệu mở theo quy định của pháp luật. **Nhiệm vụ thường xuyên.**

- **Các bộ, ngành** theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý chủ trì, phối hợp với Bộ Công an rà soát, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành hướng dẫn cụ thể về việc lựa chọn, sử dụng các nền tảng số có khả năng kết nối, liên thông và xác thực danh tính điện tử với VNeID, qua đó tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp sử dụng một tài khoản định danh thống nhất khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, hạn chế việc phải đăng ký và quản lý nhiều tài khoản khác nhau.

c) Thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

- **Các cơ quan Trung ương và địa phương** (thuộc khối cơ quan Đảng, Quốc hội - HĐND, Chính phủ - UBND, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội) theo chức năng, nhiệm vụ: (1) Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; ưu tiên cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu

cầu xác nhận hoặc xin xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo; (2) Số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin; (3) Thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số; kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. **Nhiệm vụ thường xuyên.**

- **Các địa phương** bố trí trụ sở, trang thiết bị đầu cuối, hạ tầng mạng, phân công lãnh đạo, nhân lực; bố trí đủ nhân sự cho việc giải quyết TTHC ở cấp xã đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc thực tế trên địa bàn. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

d) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong điều hành và thực thi công vụ

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng và triển khai Nền tảng Trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công vụ ở phạm vi quốc gia, bảo đảm dùng chung, có khả năng mở rộng và tích hợp với các hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, xử lý văn bản và điều hành. Việc xây dựng nền tảng này phải gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng nền tảng trí tuệ nhân tạo được giao tại Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo bảo đảm hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí. **Hoàn thành trong quý II/2026.**

Nền tảng tập trung vào các chức năng cốt lõi gồm: (1) đối soát căn cứ pháp lý, quy trình nghiệp vụ và thành phần hồ sơ trên dữ liệu tin cậy; (2) hỗ trợ chuẩn hoá, gợi ý xử lý và cảnh báo rủi ro theo quy định; (3) lưu vết, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ vòng đời xử lý. Việc triển khai nhằm chuyển căn bản phương thức làm việc từ xử lý thủ công, phân tán và phụ thuộc hồ sơ giấy sang xử lý trên dữ liệu số có kiểm soát, qua đó giảm sai sót, rút ngắn thời gian xử lý, giải phóng sức lao động của đội ngũ cán bộ, công chức và nâng cao năng suất lao động trong khu vực công, tạo nền tảng để mở rộng áp dụng trí tuệ nhân tạo một cách an toàn, thống nhất trong toàn hệ thống chính trị.

3.2. Kinh tế số

a) Phát triển thị trường và hệ sinh thái chuyển đổi số

- **Bộ Khoa học và Công nghệ** chủ trì, phối hợp các bộ, ngành liên quan rà soát, chuẩn hoá, công bố Danh mục các sản phẩm, giải pháp để thúc đẩy thị trường chuyển đổi số với các thông tin mô tả cơ bản gồm: mục tiêu; quy trình nghiệp vụ; dữ liệu đầu vào/đầu ra; yêu cầu liên thông; yêu cầu an toàn, an ninh

mạng; tiêu chuẩn kỹ thuật; phương án nhân rộng; vị trí/vai trò trong kiến trúc tổng thể của ngành. **Hoàn thành chậm nhất trong tháng 4/2026.**

- **Chính phủ** chỉ đạo các cơ quan có liên quan tổ chức thúc đẩy hợp đồng điện tử và hạ tầng dịch vụ tin cậy phục vụ giao dịch số, áp dụng thống nhất trong một số lĩnh vực có tần suất giao dịch lớn; triển khai cơ chế kết nối xác thực định danh, ký số, lưu trữ/bằng chứng giao dịch để giảm rủi ro tranh chấp, bảo đảm khả năng kiểm chứng. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

- **Bộ Công Thương** chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ và các địa phương tổ chức xây dựng và triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2026-2030, ưu tiên: (1) mở rộng sử dụng hoá đơn điện tử trong giao dịch thương mại điện tử; (2) tăng tỉ lệ thanh toán không dùng tiền mặt; (3) hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia nền tảng thương mại điện tử; (4) theo dõi chỉ số đánh giá kết quả thực hiện theo tháng/quý. **Trình cấp có thẩm quyền ban hành trong quý I/2026.**

b) Nâng cao năng lực doanh nghiệp nhỏ và vừa

- **Các Bộ, ngành** theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý triển khai hiệu quả các chương trình thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ nhỏ và vừa để tham gia chuỗi cung ứng và mở rộng thị trường. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

- **Bộ Công Thương** chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tập trung, bố trí nguồn lực để triển khai hiệu quả Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2035, thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn, doanh nghiệp lớn. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

- **Bộ Khoa học và Công nghệ** chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan hoàn thiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, ưu tiên các nhóm: quản trị số, hoá đơn/chứng từ số, thương mại điện tử, an ninh mạng. **Trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 02/2026.**

c) Thúc đẩy KHCN, ĐMST, CDS trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm

Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành chuyển đổi số thực chất đối với các ngành, lĩnh vực có tác động lớn đến tăng trưởng, năng suất và năng lực cạnh tranh; ưu tiên các chuỗi giá trị có quy mô lớn và khả năng lan toả cao như: công nghiệp nền tảng; công nghiệp ưu tiên; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp năng lượng; khai thác tài nguyên, khoáng sản; thương mại và phân phối; tài chính, ngân hàng; giao thông vận tải và logistics; nông nghiệp; xây dựng; du lịch. Trong đó:

Các bộ, ngành theo chức năng và đặc thù quản lý ngành, lĩnh vực nghiên cứu, lựa chọn, xác định và triển khai từ 3-5 nhiệm vụ có quy mô lớn để tập trung thúc đẩy và đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực. Nhiệm vụ có quy mô lớn cần có các thành phần chủ yếu sau: (1) Sáng kiến mang tính đột phá; (2) Bài toán trọng điểm, có tầm ảnh hưởng lớn; (3) Cụm hoặc chuỗi nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS; (4) Sản phẩm đầu ra cụ thể; (5) Các chỉ tiêu đo lường; (6) Đơn vị dự kiến tiếp nhận hoặc triển khai ứng dụng; (7) Mốc tiến độ hoàn thành theo từng quý. Ưu tiên các vấn đề lớn phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng và có khả năng nhân rộng. **Hoàn thành lựa chọn, xác định trong quý I/2026** (*Phụ lục - Khung tiêu chí tham khảo để lựa chọn các ngành, lĩnh vực ưu tiên thúc đẩy KHCN, ĐMST, CDS*).

d) Phát triển kinh tế dữ liệu và cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư

Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: (1) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành Khung Kinh tế dữ liệu quốc gia và lộ trình triển khai, trong đó xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu công - tư và khung pháp lý về định giá, thương mại hoá, khai thác và quản trị dữ liệu, **hoàn thành trong quý II/2026**; (2) Xây dựng cơ chế, tổ chức hoạt động của Sàn dữ liệu, bảo đảm kết nối, giao dịch, giám sát thống nhất, tập trung đưa dữ liệu vào lưu thông trên thị trường; nghiên cứu và triển khai các kịch bản và ứng dụng điển hình về khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật, **hoàn thành trong quý II/2026**; (3) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phát triển kinh tế dữ liệu, **hoàn thành trong quý II/2026**.

đ) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: (1) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành các chính sách đột phá để thúc đẩy gia tăng tỉ lệ nội địa hoá, tiêu thụ sản phẩm trong nước sản xuất - tự chủ về công nghệ thuộc các lĩnh vực công nghiệp trọng điểm; (2) Xác định các bài toán đổi mới công nghệ có quy mô thị trường đủ lớn trong ngành công nghiệp nền tảng; công nghiệp ưu tiên; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp năng lượng; (3) Tổ chức triển khai chương trình nâng cấp công nghệ doanh nghiệp theo chuỗi cung ứng và tập trung xây dựng 03 trung tâm công nghiệp hỗ trợ cấp vùng; (4) Thúc đẩy kết nối nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp với khối trường, viện nghiên cứu; (5) Xây dựng danh mục dây chuyền hoặc công đoạn trọng điểm cần nâng cấp theo ngành; hướng dẫn doanh nghiệp lập kế hoạch nâng cao hiệu suất, chất lượng; tổ chức tư vấn kỹ thuật và cơ chế nhân rộng theo chuỗi cung ứng; theo dõi bằng KPI vận hành. **Hoàn thành trong quý I/2026**.

e) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: (1) Nghiên cứu xác định các bài toán đổi mới công nghệ trong lĩnh vực

nông nghiệp công nghệ cao, chế biến sâu, giảm phát thải, quan trắc môi trường; tổ chức thí điểm theo vùng nguyên liệu và chuỗi giá trị; (2) Nghiên cứu xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035, bao gồm việc xây dựng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, bảo đảm liên thông với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

g) Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định các bài toán đổi mới công nghệ trong xây dựng, vật liệu, hạ tầng đô thị; phát triển giải pháp phục vụ đô thị thông minh, quản lý công trình và giám sát chất lượng. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

3.3. Xã hội số

a) Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành chuyển đổi số thực chất các ngành, lĩnh vực có tác động tới an sinh và phúc lợi của người dân như: *y tế, giáo dục, văn hoá, lao động, việc làm, an sinh xã hội, thực phẩm và môi trường*: Các bộ, ngành theo chức năng và đặc thù quản lý ngành, lĩnh vực nghiên cứu, lựa chọn, xác định và triển khai từ 3-5 nhiệm vụ có quy mô lớn để tập trung thúc đẩy và đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực. Nhiệm vụ có quy mô lớn cần có các thành phần chủ yếu sau: (1) Sáng kiến mang tính đột phá; (2) Bài toán trọng điểm, có tầm ảnh hưởng lớn; (3) Cụm hoặc chuỗi nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS; (4) Sản phẩm đầu ra cụ thể; (5) Các chỉ tiêu đo lường; (6) Đơn vị dự kiến tiếp nhận hoặc triển khai ứng dụng; (7) Mốc tiến độ hoàn thành theo từng quý. Ưu tiên các vấn đề lớn phục vụ nâng cao năng suất, chất lượng và có khả năng nhân rộng. **Hoàn thành lựa chọn, xác định trong quý I/2026 (Phụ lục - Khung tiêu chí tham khảo để lựa chọn các ngành, lĩnh vực ưu tiên thúc đẩy KHCN, ĐMST, CDS).**

b) Phát triển xã hội số, kỹ năng số và văn hoá đổi mới sáng tạo

- Chính phủ chỉ đạo các cơ quan liên quan rà soát, nghiên cứu xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét ban hành quy định hoặc hướng dẫn về giải pháp kỹ thuật liên kết, tích hợp các dịch vụ mạng xã hội với hệ thống VNeID phục vụ định danh, xác thực tài khoản người dùng, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, qua đó nâng cao độ tin cậy của tài khoản, phòng ngừa giả mạo danh tính, góp phần bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng. **Hoàn thành trong quý III/2026.**

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chỉ đạo các cơ quan truyền thông, báo chí triển khai các nội dung, giải pháp lan toả nhận thức về KHCN, ĐMST, CDS, tạo sự đồng thuận xã hội và chuyển đổi hành vi số của người dân,

doanh nghiệp; bảo vệ chủ quyền thông tin, an ninh tư tưởng trên không gian số. Truyền thông văn hoá đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW; giáo dục thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên tinh thần, khát vọng và hoài bão đổi mới sáng tạo. **Nhiệm vụ thường xuyên.**

- **Bộ Công an** chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan phát triển ứng dụng VNeID trở thành nền tảng số quốc gia góp phần thúc đẩy triển khai Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Xác định ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID là hạ tầng số đóng vai trò trung tâm trong hệ sinh thái số quốc gia, giúp mọi người dân có thể truy cập, sử dụng và tham gia các hoạt động trên môi trường số một cách an toàn, thuận tiện và hiệu quả. **Hoàn thành trong quý III/2026.**

- **Các bộ, ngành, địa phương** theo chức năng, nhiệm vụ: (1) Tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính, tư duy sáng tạo và văn hoá công chức mới cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là tại cấp xã; ưu tiên phương thức đào tạo thuận tiện, hiệu quả, "mọi nơi, mọi lúc", khai thác hiệu quả nền tảng "Bình dân học vụ số"; (2) Duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng, các nhà văn hoá thôn, bản là các điểm tiếp cận số tại địa phương; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức và nâng cao kỹ năng số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp, góp phần nâng cao năng lực sử dụng dịch vụ số, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, bền vững. **Nhiệm vụ thường xuyên.**

c) Xây dựng, thí điểm và nhân rộng Mô hình chuyển đổi số cấp xã

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương xây dựng và triển khai thống nhất trên phạm vi toàn quốc Mô hình chuyển đổi số cấp xã làm cơ sở nền tảng của chính quyền số, bảo đảm thực hiện các mục tiêu liên quan đến chính quyền số cấp xã, hình thành môi trường thúc đẩy kinh tế số và xã hội số ở cộng đồng dân cư (thôn, bản, tổ dân phố), góp phần nâng cao năng suất và tăng trưởng. Triển khai theo 03 nhóm địa bàn: đô thị, nông thôn, miền núi/biên giới/hải đảo, bảo đảm một mô hình thống nhất với nhiều mức độ áp dụng phù hợp điều kiện thực tế của các địa phương. Mô hình cung cấp kiến trúc tham chiếu và bộ tiêu chí tối thiểu bao gồm: hạ tầng, dữ liệu, nền tảng, dịch vụ, tiêu chuẩn, yêu cầu an ninh mạng, yêu cầu vận hành, quy trình, nghiệp vụ và nguồn lực,... **Trong quý I/2026 hoàn thành, báo cáo kết quả thí điểm và ban hành Mô hình.**

4. Về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

4.1. Thúc đẩy thương mại hoá các sản phẩm công nghệ

a) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn về: (1) Cơ chế và định hướng nội dung đặt hàng theo bài toán, đồng tài trợ và đánh giá theo kết quả đầu ra; (2) Chính sách ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp nhà nước khi đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng và tính năng sử dụng. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, tháo gỡ những vướng mắc về tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, nhất là việc thiếu phòng thử nghiệm, phòng kiểm định có đủ năng lực thực hiện để thúc đẩy sử dụng các sản phẩm sản xuất trong nước (ưu tiên các sản phẩm từ kết quả hoạt động KHCN và ĐMST). Ban hành theo thẩm quyền các quy định, tiêu chuẩn để ứng dụng KHCN, ĐMST, CDS trong các hoạt động kinh tế - xã hội. **Hoàn thành trong quý II/2026.**

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền quy định hành lang pháp lý về phát triển, thử nghiệm, tiêu chuẩn và quản lý, vận hành thiết bị bay không người lái tạo điều kiện cho việc phát triển, thương mại hoá thiết bị bay không người lái. **Hoàn thành trong quý II/2026.**

c) Về tổ chức triển khai các công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược theo danh mục đã ban hành

Chính phủ chỉ đạo các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện:

- Thí điểm áp dụng mô hình hợp tác "3 nhà" (Nhà nước - viện/trường - doanh nghiệp) trong phát triển 10 sản phẩm công nghệ chiến lược. Theo đó, mỗi sản phẩm do một doanh nghiệp dẫn dắt và đồng đầu tư cùng Nhà nước theo tỉ lệ phù hợp, tùy thuộc vào độ phức tạp của công nghệ (50-50, 30-70 hoặc 70-30...) bảo đảm trong khung khổ quy định pháp luật cho phép. Đầu bài do doanh nghiệp dẫn dắt xây dựng, phối hợp cùng Nhà nước và đối tác viện/trường, gắn với kế hoạch thương mại hoá, phát triển thị trường và xuất khẩu. Nhà nước nghiên cứu cơ chế hỗ trợ, khuyến khích sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược trong mua sắm công nếu đáp ứng các tiêu chí về sở hữu trí tuệ, tỉ lệ nội địa hoá và tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (ưu tiên tiêu chuẩn/quy chuẩn quốc tế).

- Làm việc với các doanh nghiệp, trước mắt là các doanh nghiệp đồng hành cùng các cơ quan, bộ, ngành, địa phương tại Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ, triển khai việc trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, khuyến khích ở mức tối thiểu 10% thu nhập tính thuế và trong khung pháp luật cho phép. Trong năm 2026, mỗi doanh nghiệp dự kiến tài trợ 10 dự án triển khai phòng thí nghiệm hoặc đề tài nghiên cứu phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược theo mô hình "3 nhà" hoặc các công nghệ trực tiếp giải quyết điểm nghẽn trong chuyển đổi số. Việc triển khai bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Có phương án triển khai trong Quý I/2026. Hằng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo kết quả thực hiện.

4.2. Thí điểm và mở rộng cơ chế đặt hàng, mua sắm công đối với sản phẩm từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn về cơ chế tài chính, mua sắm công, thanh quyết toán theo kết quả. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

b) Chính phủ chỉ đạo bộ, ngành, địa phương nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch mua sắm sản phẩm công nghệ chiến lược do trong nước phát triển, ưu tiên sử dụng trong mua sắm công, tiến tới dần thay thế nhập khẩu, đặc biệt đối với các lĩnh vực đòi hỏi an toàn, bảo mật thông tin (ví dụ: với camera AI trong các dự án công...) bảo đảm minh bạch và phù hợp với các quy định pháp luật. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

c) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Lựa chọn tối thiểu 03 bài toán lớn gắn với điều kiện thực tiễn, thế mạnh và dư địa tăng trưởng của địa phương mình (ví dụ: công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến - chế tạo, du lịch, logistics, y tế, giáo dục, quản trị đô thị...), tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để giải quyết ngay trong năm 2026. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

- Bố trí ngân sách địa phương cho KHCN, ĐMST, CDS có trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; ưu tiên nhiệm vụ có đồng tài trợ, có hợp đồng tiêu thụ hoặc chuyển giao; kiên quyết dừng nhiệm vụ kém hiệu quả, kéo dài, không có đầu ra. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

- Tổ chức thí điểm tối thiểu 03 gói mua sắm công đối với sản phẩm/giải pháp từ kết quả của hoạt động KHCN, ĐMST được ứng dụng trong khu vực công (quản trị, dịch vụ công, y tế, giáo dục, đô thị thông minh, đường sắt đô thị...). **Hoàn thành trong quý III/2026.**

- 03 địa phương (Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh): Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Thông báo kết luận số 45-TB/TGV ngày 30/9/2025 của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo.

4.3. Phát triển nhân lực tinh hoa và đại học số

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

(1) Hướng dẫn cơ chế gắn đào tạo sau đại học với nhiệm vụ nghiên cứu - chuyển giao; (2) Thúc đẩy mô hình phòng thí nghiệm gắn với doanh nghiệp; (3) Có giải pháp tăng tỉ lệ công bố và sản phẩm chuyển giao từ cơ sở giáo dục đại học; (4) Nghiên cứu và xây dựng quy định để thúc đẩy việc tham gia hoạt động nghiên cứu KHCN và ĐMST đối với giảng viên các trường đại học, cao đẳng; (5) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành *Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo*, trong đó quy định tiêu chuẩn, công nhận chương trình đào tạo, cơ chế huy động nguồn lực và chính sách ưu đãi đối với tổ chức, cá nhân tham gia; (6) Làm việc với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính để bảo đảm bố trí kinh phí cũng như huy động nguồn lực xã hội hoá để triển khai các nhiệm vụ tại Thông báo số 45-TB/TGV ngày 30/9/2025; **báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo kết quả thực hiện trong tháng 02/2026.**

b) Bốn đại học lớn (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Đà Nẵng, Đại học Bách Khoa Hà Nội) triển khai hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại các thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo, nhất là Thông báo số 45-TB/TGV ngày 30/9/2025; đồng thời phải đăng ký sản phẩm mũi nhọn có thời hạn, có thị trường và có cơ chế chuyển giao hoặc đầu tư để nhân rộng toàn quốc; bảo đảm kết quả thể hiện bằng số liệu (sản phẩm, doanh thu từ chuyển giao, số doanh nghiệp tham gia đặt hàng...).

4.4. Số hoá, quản trị minh bạch nhiệm vụ KHCN

Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền quy trình tổ chức thông báo và tiếp nhận hồ sơ đề xuất/tài trợ/đặt hàng nhiệm vụ KHCN, ĐMST theo cơ chế liên tục bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ thường xuyên; đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp đơn giản hoá biểu mẫu, chuẩn hoá và rút gọn quy trình xét duyệt, số hoá toàn trình trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, quản lý dựa trên dữ liệu và chỉ tiêu mức dịch vụ, nhằm rút ngắn thời gian phê duyệt nhiệm vụ KHCN, ĐMST còn trung bình khoảng 90 ngày (tính từ ngày chốt nhận hồ sơ theo đợt đến ngày ban hành quyết định phê duyệt). **Hoàn thành trong quý I/2026.**

b) Triển khai chuyển đổi số lĩnh vực sở hữu trí tuệ; xây dựng hoặc nâng cấp hệ thống tra cứu công nghệ và sở hữu công nghiệp. Đẩy mạnh bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; yêu cầu mỗi nhiệm vụ trọng điểm có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ và phương án khai thác sau nghiệm thu. **Nhiệm vụ thường xuyên.**

c) Hoàn thiện và phát triển Cổng sáng kiến KHCN và Sàn giao dịch KHCN để kết nối cung - cầu công nghệ ở trung ương và địa phương bảo đảm hoạt động thực chất, hiệu quả. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

d) Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức có liên quan (đặc biệt là khối doanh nghiệp) trong việc sử dụng kinh phí hoạt động KHCN, ĐMST, CDS. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

4.5. Nâng cao năng lực hạ tầng nghiên cứu - thử nghiệm - sản xuất thử

a) Bộ Khoa học và Công nghệ:

- Đôn đốc các bộ, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu và sắp xếp các viện nghiên cứu chuyên ngành theo hướng tinh, gọn, mạnh đáp ứng yêu cầu về đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

- Chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, các bộ, ngành, địa phương liên quan và các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân có năng lực tổ chức huy động mạng lưới hạ tầng dùng chung phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm và đổi mới sáng tạo, bao gồm các phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thử nghiệm, đo kiểm, năng lực tạo mẫu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, không gian làm việc và các hạ tầng kỹ thuật khác thuộc cả khu vực nhà nước và khu vực doanh nghiệp. **Nhiệm vụ thường xuyên.**

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền triển khai thí điểm voucher/tín chỉ sử dụng hạ tầng (văn phòng, đo kiểm, hạ tầng tính toán, tư vấn sở hữu trí tuệ...), gắn với kết quả đầu ra (mẫu thử, báo cáo đo kiểm đạt chuẩn, hồ sơ sở hữu trí tuệ, hợp đồng khách hàng thử nghiệm...) để thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp spin-off. **Hoàn thành chậm nhất trong tháng 5/2026.**

- Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan tham mưu Chính phủ ban hành cơ chế tài chính đặc thù, tổ chức, quản lý, sử dụng và giám sát Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia; triển khai thí điểm cơ chế phiếu hỗ trợ (voucher) cho doanh nghiệp nhỏ và vừa/khởi nghiệp sử dụng hạ tầng tính toán, dữ liệu dùng chung, mô hình ngôn ngữ lớn... **Hoàn thành trong quý II/2026.**

b) Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam khẩn trương hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án tăng cường năng lực Viện Hàn lâm

Khoa học và Công nghệ Việt Nam ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. **Hoàn thành trong tháng 4/2026.**

c) Các địa phương:

- Thành lập hoặc kiện toàn đầu mối điều phối đổi mới sáng tạo cấp tỉnh bảo đảm hiệu quả, phù hợp theo quy định; ban hành danh mục nhu cầu công nghệ của địa phương; tổ chức kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ để chuyển giao, làm chủ công nghệ. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

- Tổ chức đánh giá trình độ công nghệ đối với doanh nghiệp/cụm ngành chủ lực của địa phương; xây dựng kế hoạch nâng cấp dây chuyền gắn mục tiêu nâng năng suất, chất lượng; Hình thành tối thiểu 01 mô hình thí điểm có thể nhân rộng (theo chuỗi giá trị hoặc theo ngành chủ lực của địa phương), có bộ chỉ tiêu kết quả và cơ chế duy trì sau thí điểm (đặt hàng dịch vụ, doanh thu, xã hội hoá). **Hoàn thành trong quý I/2026.**

4.6. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

a) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Chương trình quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo, bảo đảm thống nhất đầu mối điều phối, huy động nguồn lực xã hội, lấy kết quả và tác động làm thước đo. Định hướng nội dung trọng tâm Chương trình cần bao gồm: (1) Cơ chế điều phối thống nhất, tránh phân tán nguồn lực; hình thành "gói công cụ" hỗ trợ theo vòng đời và nhu cầu của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; phát huy vai trò đầu mối kết nối của các trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia; (2) Khởi thông thị trường vốn và cơ chế thoái vốn hợp pháp cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; có đột phá về vốn giai đoạn sớm (seed/angel) và quỹ đầu tư mạo hiểm; cơ chế huy động vốn đối ứng tư nhân; quản trị rủi ro và bảo vệ nhà đầu tư; (3) Thúc đẩy cơ chế hình thành doanh nghiệp spin-off; ưu tiên công nghệ chiến lược và công nghệ sâu (deep tech); (4) Tạo thị trường cho đổi mới sáng tạo thông qua đặt hàng theo "bài toán lớn"; thúc đẩy đổi mới mở (open innovation), thử nghiệm có kiểm soát, đo lường hiệu quả; (5) Thu hút nhân tài, nhà sáng lập toàn cầu và mời gọi doanh nghiệp khởi nghiệp của người Việt ở nước ngoài đưa trụ sở/điều hành/R&D về Việt Nam bằng cơ chế đủ hấp dẫn, có chọn lọc, gắn với lĩnh vực ưu tiên; (6) Thiết lập bộ chỉ số và cơ chế giám sát theo kết quả; công khai mức độ phù hợp, bảo đảm minh bạch, phục vụ điều hành, kịp thời tháo gỡ điểm nghẽn, cập nhật định kỳ hằng tháng/quý; (7) Trước mắt, ngay trong năm 2026, tăng 30% số doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startups) trong các lĩnh vực công nghệ số. **Hoàn thành trong quý II/2026.**

b) Triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) để tạo đột phá chính sách và thị trường

- ***Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*** chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng theo quy định; lựa chọn nhóm sản phẩm, dịch vụ ưu tiên, bảo đảm an toàn hệ thống, bảo vệ người sử dụng. **Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

- ***Bộ Tài chính*** chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hoá theo chủ trương, phạm vi và điều kiện được cấp có thẩm quyền cho phép; bảo đảm tuân thủ pháp luật, giám sát rủi ro, phòng, chống rửa tiền, an ninh, an toàn. **Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

- ***Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh*** (theo thẩm quyền) xây dựng các mô hình thử nghiệm "sandbox" đột phá về cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, như: cơ chế về thủ tục thành lập doanh nghiệp; cơ chế về thuế, phí; cơ chế tiếp cận vốn từ quỹ phát triển khoa học, công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư thiên thần, cơ chế đồng tài trợ giữa Nhà nước và doanh nghiệp; cơ chế mua sản phẩm đầu ra của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo... Các cơ chế này phải đạt được mức độ ưu đãi ngang bằng hoặc vượt các nước trong khu vực, hướng tới mục tiêu 03 thành phố lớn trở thành các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc tế, trước mắt thực hiện thành công định hướng "Go Home": (1) Đưa các startup Việt Nam đang khởi nghiệp tại các nước trong khu vực trở về Việt Nam; (2) Đưa các chuyên gia công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài về để khởi nghiệp sáng tạo trong nước. **Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

c) Thúc đẩy thị trường vốn, tạo đột phá về ưu đãi để thu hút doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

- ***Bộ Tài chính*** chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất hình thành Sàn giao dịch chuyên biệt cho các hoạt động mua bán cổ phần của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, bảo đảm vừa quản trị rủi ro, bảo vệ nhà đầu tư, vừa tăng khả năng huy động vốn trung và dài hạn và hỗ trợ thoái vốn hợp pháp. **Định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

- ***Bộ Khoa học và Công nghệ*** chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan: (1) Tổ chức vận hành Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia; (2) Đề xuất cơ chế thúc đẩy thương mại hoá tài sản trí tuệ/kết quả nghiên cứu; (3) Định hướng mô hình hình thành doanh nghiệp spin-off; (4) Chuẩn hoá dịch vụ hệ sinh thái (vườn ươm, tăng tốc, chuyển giao công nghệ, cố vấn) và cơ chế đánh giá theo kết quả. **Hoàn thành trong tháng 4/2026.**

5. Về nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế về KHCN, ĐMST, CDS

a) Các cơ quan Trung ương và địa phương theo phạm vi quản lý bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức KHCN, ĐMST, kỹ năng, công nghệ số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động gắn với vị trí việc làm và đa ngôn ngữ (dân tộc thiểu số); củng cố mô hình vận hành và điều kiện bảo đảm hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và bộ phận một cửa các cấp, đáp ứng yêu cầu phục vụ liên tục, thông suốt, không gián đoạn trong môi trường số. **Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

b) Các cơ sở giáo dục đại học xem xét, rà soát quy định để đánh giá năng lực nghiên cứu sinh và giảng viên dựa trên số lượng bằng sáng chế được doanh nghiệp thương mại hoá thực tế; chia sẻ các phòng thí nghiệm để tạo điều kiện cho các sinh viên, doanh nghiệp công nghệ nhỏ và vừa sử dụng chung. **Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

c) Các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu triển khai chính sách đãi ngộ đặc thù, thu hút các chuyên gia đầu ngành theo quy định (bao gồm chuyên gia quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài) để dẫn dắt các dự án công nghệ chiến lược (AI, Robot, Y sinh, bán dẫn, lượng tử...). **Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

d) Bộ Ngoại giao

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo), Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương báo cáo, đề xuất cử cán bộ tham gia các đoàn công tác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước để thúc đẩy nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển KHCN, ĐMST, CDS. **Nhiệm vụ thường xuyên.**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài triển khai hiệu quả, thực chất Kế hoạch triển khai công tác ngoại giao khoa học, công nghệ đến năm 2030, trong đó nhấn mạnh mục tiêu thu hút chuyên gia, nhà khoa học quốc tế đến làm việc tại Việt Nam trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS. **Nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

6. An ninh, an toàn thông tin và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước

a) Các cơ quan Trung ương và địa phương quán triệt nguyên tắc "An ninh mạng là điều kiện tiên quyết của chuyển đổi số". Chủ động triển khai đầy đủ giải pháp bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ngay từ khâu thiết

kế, đầu tư, vận hành; ưu tiên các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ thủ tục hành chính và hệ thống dữ liệu lõi. **Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

b) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, nâng cao hiệu lực thực thi Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân (cơ chế, chính sách, quy định, quy trình, công cụ để giám sát việc tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân). Nghiên cứu triển khai các giải pháp ngăn chặn lừa đảo trực tuyến và nhận diện thông tin giả mạo để bảo vệ người dân. **Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

c) Chuẩn hoá hệ thống Mật mã Quốc gia: Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện triển khai các giải pháp bảo mật, xác thực để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước trên hệ thống Mạng mật liên thông các cơ quan trong hệ thống chính trị; đảm bảo 100% hồ sơ công việc trên môi trường điện tử được bảo vệ bởi các tiêu chuẩn mật mã tiên tiến, ngăn chặn nguy cơ rò rỉ, lộ lọt thông tin bí mật nhà nước. **Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

d) Làm chủ công nghệ mật mã hậu lượng tử (Post-Quantum Cryptography): Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, viện nghiên cứu trọng điểm liên quan thực hiện nghiên cứu và ứng dụng sớm các tiêu chuẩn mật mã mới để đối phó với sự phát triển của máy tính lượng tử trong tương lai. **Nhiệm vụ thường xuyên; định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả.**

7. Về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS

a) Bộ Khoa học và Công nghệ: (1) Chủ trì, hướng dẫn các cơ quan Trung ương và địa phương trong việc xác định nhiệm vụ, đăng ký vốn, phân bổ, sử dụng, giải ngân kinh phí, bảo đảm các nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả thiết thực, tránh trùng lặp, lãng phí; (2) Chủ trì đề xuất phương án dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo pháp luật ngân sách nhà nước, đầu tư công, KHCN, ĐMST và CDS và pháp luật có liên quan, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định; (3) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan triển khai chủ trương bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược; nghiên cứu, đề xuất giải pháp thúc đẩy kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP, trong đó kinh phí từ xã hội chiếm hơn 60% theo mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW; (4) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành hướng dẫn triển khai các nội dung của Nghị

quyết số 57-NQ/TW trong các chương trình, dự án kinh tế xã hội nêu tại Khoản 2 Mục III Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

b) Bộ Tài chính

- Cân đối nguồn ngân sách nhà nước hằng năm cho lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS theo chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về ngân sách, về đầu tư công và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ về dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS. **Nhiệm vụ thường xuyên.**

- Khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Công văn số 19995-CV/VPTW ngày 09/01/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng để tháo gỡ khó khăn thúc đẩy phát triển KHCN, ĐMST, CDS.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xác định chính xác, thống nhất tên gọi, nội hàm của chỉ tiêu *Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP* gắn với xác định phương pháp thống kê, tần suất công bố, trách nhiệm của các cơ quan liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong việc thống kê, theo dõi, đánh giá chỉ tiêu này. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

c) Chính phủ chỉ đạo:

- Các cơ quan liên quan nghiên cứu, rà soát, cập nhật khung thể chế, chính sách liên quan đến năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), trong đó thống nhất và chuẩn hoá phương pháp luận đo lường và tính toán TFP nhằm bảo đảm tính tương thích với các chuẩn mực quốc tế, làm cơ sở để phân bổ và đánh giá chỉ tiêu năng suất cụ thể giữa các khu vực kinh tế và đối với từng bộ, ngành và địa phương. **Hoàn thành trong quý I/2026.**

- Bộ Tài chính: (1) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan rà soát, nghiên cứu đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét: Cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về phí, lệ phí trong việc kết nối, khai thác sử dụng dữ liệu; Chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí để khuyến khích người dân thực hiện dịch vụ số, thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến trên ứng dụng VNeID. **Hoàn thành trong quý I/2026;** (2) Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, đánh giá việc tổ chức thực hiện các Luật đã được ban hành; kịp thời phát hiện, xác định các bất cập (nếu có) để báo cáo, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phương án xử lý phù hợp.

- Các cơ quan liên quan có giải pháp khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện việc trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ hàng năm (được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế hàng năm theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025). **Nhiệm vụ thường xuyên.**

d) Các cơ quan Trung ương và địa phương: (1) Chủ động rà soát, điều chỉnh/hoàn thiện đăng ký kinh phí và kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và kế hoạch hoạt động của mình trong năm 2026, **hoàn thành trong quý I/2026**; (2) Triển khai thực chất và giải ngân theo đúng tiến độ công việc, không để chậm trễ, ảnh hưởng đến mục tiêu, tiến độ chung của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

đ) Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính theo nhiệm vụ được giao: (1) Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Trung ương Đảng triển khai việc theo dõi thông tin, số liệu phân bổ, giải ngân, hiệu quả đầu tư cho KHCN, ĐMST, CDS theo nhiệm vụ được giao tại điểm d Mục 4 Phụ lục kèm theo Thông báo kết luận số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025; (2) Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến các quỹ phát triển KHCN, ĐMST; cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Thông báo số 17-TB/CQTTBCĐ ngày 29/12/2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Trung ương và thành viên Ban Chỉ đạo

a) Ban Chỉ đạo kịp thời nắm bắt tình hình, xem xét và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền. Phát huy vai trò trung tâm điều phối, bảo đảm sự thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát quá trình triển khai; đồng thời huy động sự vào cuộc đồng bộ của các cơ quan, đơn vị liên quan để tháo gỡ dứt điểm các điểm nghẽn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

b) Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của cá nhân để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

- Chủ động lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các chủ trương, định hướng và các giải pháp đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo trong lĩnh vực, địa bàn được phân công quản lý, phụ trách.

- Kịp thời báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo những vấn đề phát sinh và kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ; tích cực đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, đề xuất sáng kiến về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trực

tiếp sử dụng hệ thống **theodoingq.dcs.vn** để theo dõi, giám sát tiến độ, kết quả công việc của các cơ quan trong phạm vi quản lý.

2. Đảng uỷ Quốc hội

Chỉ đạo các cơ quan của Quốc hội triển khai thực hiện Chương trình công tác này; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Chính phủ tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện hành lang pháp lý cho KHCN, ĐMST, CDS, trong đó có các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án chuyển đổi số của quốc hội; Kế hoạch số 39-KH/ĐUQH ngày 07/7/2025 của Đảng uỷ Quốc hội về triển khai phong trào "Bình dân học vụ số - Quốc hội số.

3. Đảng uỷ Chính phủ

a) Chỉ đạo các bộ, cơ quan, địa phương: (1) Triển khai thực hiện Chương trình công tác này; (2) Rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, quy định, hướng dẫn để thúc đẩy KHCN, ĐMST, CDS; (3) Tập trung triển khai Chương trình Chính phủ số (Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ) và thực hiện chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, góp phần tăng trưởng ở mức 2 con số; (4) Liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan khối Chính phủ, giữa khối Chính phủ với các khối cơ quan khác trong hệ thống chính trị; (5) Lựa chọn, bố trí cán bộ có năng lực, tinh thần đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và am hiểu hoạt động KHCN, ĐMST và CDS vào vị trí lãnh đạo tại đơn vị đầu mối quản lý KHCN, ĐMST và CDS.

b) Chỉ đạo Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí triển khai các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST, CDS, trong đó có ưu tiên các công nghệ chiến lược và các nhiệm vụ đặt ra trong Chương trình công tác này; thực hiện phân bổ, giải ngân kinh phí kịp thời; phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi giám sát, đánh giá toàn bộ quá trình này trên Hệ thống **theodoingq.dcs.vn**.

4. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương

a) Chỉ đạo các cơ quan thuộc khối Mặt trận Tổ quốc từ Trung ương đến địa phương triển khai thực hiện Chương trình công tác này; tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trong Đề án Chuyển đổi số Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035; tổ chức kết nối, chia sẻ, cập nhật, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan trong hệ thống chính trị.

b) Giám sát thực chất việc thực hiện chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ trí thức, chuyên gia, đồng thời giám sát việc triển khai các chương trình, dự án về

khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; định kỳ tổng hợp ý kiến Nhân dân để kiến nghị điều chỉnh phù hợp.

5. Các cơ quan đảng ở Trung ương

a) Phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thường trực, Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo Trung ương để triển khai thực hiện Chương trình công tác.

b) Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng và các tỉnh uỷ, thành uỷ trong việc triển khai hiệu quả Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng.

6. Các tỉnh uỷ, thành uỷ

a) Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh, thành phố để bảo đảm hoạt động chất lượng, hiệu quả.

b) Rà soát các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về KHCN, ĐMST, CDS để bảo đảm hiệu quả, thống nhất, tránh trùng lặp, lãng phí. Chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Chương trình công tác này.

7. Hội đồng tư vấn quốc gia

a) Tư vấn đề xuất Ban Chỉ đạo các chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách và các giải pháp đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia.

b) Định kỳ hoặc đột xuất tổ chức làm việc với các chuyên gia, nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức, các nhân liên quan để thảo luận về các chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách, giải pháp đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS; lắng nghe, phát hiện những điểm nghẽn, cản trở việc phát triển để tư vấn, đề xuất với Ban Chỉ đạo kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ.

c) Thiết lập không gian làm việc số hoặc cơ chế phối hợp để hình thành không gian làm việc chung (định hướng/chuẩn chung), bảo đảm đa dạng ý kiến, đồng thời theo dõi được chất lượng và mức độ triển khai khuyến nghị; thực hiện chế độ ghi nhận, tôn vinh gắn với trách nhiệm theo quy định và quy chế của Ban Chỉ đạo.

8. Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc giúp Ban Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình công tác này; định kỳ 06 tháng, 01 năm báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả hoạt động của thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc, Hội đồng tư vấn quốc gia.

b) Phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo: (1) Giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát,

đánh giá việc thực hiện các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển KHCN, ĐMST, CDS theo Quy chế làm việc số 02-QC/BCĐTW ngày 10/6/2025 của Ban Chỉ đạo; (2) Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nội dung, chương trình, văn bản chỉ đạo và tổ chức các hoạt động, cuộc họp của Ban Chỉ đạo; kịp thời nắm bắt, tổng hợp và xử lý theo thẩm quyền những vấn đề kỹ thuật, còn có ý kiến khác trước khi đưa ra các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ban Chỉ đạo.

9. Văn phòng Trung ương Đảng

a) Tham mưu, giúp Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối việc tổ chức, thực hiện Chương trình công tác này.

b) Rà soát, tham mưu kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo, Hội đồng tư vấn quốc gia để phát huy hiệu quả hoạt động và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

c) Chủ trì, phối hợp với Tổ Giúp việc, Tổ Công tác liên ngành tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Chương trình công tác này, kịp thời báo cáo, đề xuất với Trưởng Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết.

d) Chủ trì, phối hợp với các thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc tham mưu, đề nghị cấp có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân trong việc triển khai Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư,
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo,
- Các Đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Quân ủy Trung ương,
- Đảng ủy Công an Trung ương,
- Các cơ quan đảng Trung ương,
- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương,
- Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo,
- Tổ Công tác liên ngành,
- Hội đồng tư vấn quốc gia,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

**T/M BAN CHỈ ĐẠO
TRƯỞNG BAN**



Tô Lâm

Phụ lục
KHUNG TIÊU CHÍ THAM KHẢO ĐỀ LỰA CHỌN CÁC NGÀNH, LĨNH
VỰC ƯU TIÊN THÚC ĐẨY KHCN, ĐMST, CDS

(Kèm theo Chương trình số 02-CTr/BCĐTW ngày 02/02/2026
của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)

I- Khung tiêu chí tham khảo

1. Có tác động lan toả và vai trò trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Mức độ tạo lan toả tới toàn bộ nền kinh tế; khả năng tham gia sâu vào các khâu giá trị gia tăng cao; thúc đẩy liên kết ngành; nâng cấp năng suất và vị thế của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

2. Đóng góp GDP và lan toả tăng trưởng: Quy mô đóng góp hiện tại và khả năng kéo theo tăng trưởng của các ngành, lĩnh vực liên quan.

3. Dư địa tăng trưởng trung - dài hạn: Tiềm năng mở rộng quy mô, nâng cấp chất lượng và duy trì tăng trưởng bền vững trong 10-20 năm tới.

4. Mức độ đột phá khi chuyển đổi số và ứng dụng AI:

Khả năng nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí và thời gian nhờ chuyển đổi số hoặc ứng dụng AI.

5. Không gian phát triển mới: Khả năng hình thành sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh hoặc thị trường mới (trong nước và quốc tế).

II- Ví dụ một số ngành, lĩnh vực

Ngành / Lĩnh vực	Lan toả và tham gia chuỗi giá trị	Đóng góp GDP, việc làm	Tăng trưởng	Ứng dụng chuyển đổi số/AI	Không gian mới	Tổng
1. Điện tử - bán dẫn (trung/hạ nguồn)	5	5	5	5	5	25
2. Logistics - cảng biển - SCM thông minh	5	4	5	5	4	23

Ngành / Lĩnh vực	Lan toả và tham gia chuỗi giá trị	Đóng góp GDP, việc làm	Tăng trưởng	Ứng dụng chuyển đổi số/AI	Không gian mới	Tổng
3. Dịch vụ số B2B cho SMEs (ERP, AI)	5	4	5	5	4	23
4. Công nghiệp hỗ trợ - cơ khí chính xác	5	4	5	4	4	22
5. Năng lượng - lưới điện thông minh	5	4	5	4	4	22
6. Thuỷ sản CNC (tôm, cá tra...)	4	4	4	5	4	21
7. Hoá chất - vật liệu mới	4	4	4	4	4	20
8. Thiết bị y tế - dược công nghệ	4	4	4	4	4	20
9. Nông nghiệp chính xác (ngoài thuỷ sản)	3	4	4	4	4	19
10. Dệt may - da giày	3	5	3	4	3	18
...						